TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ÂN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIÃA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/ HNGĐ-ST.
Ngày 03/12/ 2020.
Tranh chấp: "Ly hôn,
nuôi con chung, nợ chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Hoàng Thị Tôi
- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Minh Tấn và bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm vụ án lý số: 47/2020/TLST- HN&GĐ, ngày 23/3/2020 về việc " Ly hôn, nuôi con chung, nợ chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020 /QĐXX-ST, ngày 19 tháng 11 năm 2020, giữa các bên đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P**,** sinh năm 1981, có mặt.

Địa chỉ: Khu phố C, TT Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L**,** sinh năm 1975, có mặt.

Địa chỉ: Khu phố C, TT Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, chi nhánh Hoài Ân.

Địa chỉ: 119 đường T, TT Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phước T - Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh;

- Huỳnh Thị Thanh N, sinh năm 1969, có mặt;

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định;

- Nguyễn Thành T, sinh năm 1984, có mặt;

Địa chỉ: 16 đường V, Phường T,TP.Quy Nhơn, Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh L tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định vào ngày 07/01/2004. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân chính là do tiền bạc không rõ ràng, cuộc sống vợ chồng không cùng quan điểm, hai bên gia đình đã nhiều lần dàn xếp nhưng không có kết quả; hiện tại vợ chồng vẫn còn sống một nhà tại 52 đường L, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân, nhưng không còn sinh hoạt vợ chồng từ tháng 5/2020 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã thật sự khô cạn nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn với anh L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diệu L1, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2005 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2012. Hiện nay hai con vẫn chung sống trong một nhà với vợ chồng. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hết 02 con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000,đ. Tại phiên tòa hôm nay chị P yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000,đ/tháng cho 02 người con.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ phải trả: Nợ Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hoài Ân 581.430.959,đ (tính đến ngày 03/12/2020); nợ cô Huỳnh Thị Thanh N 725.000.000,đ; chị không yêu cầu Tòa giải quyết để hai bên tự trả. Tại phiên tòa hôm nay các bên thỏa thuận anh L chịu trách nhiệm trả cho bà N số tiền 475.000.000 đồng; chị P có trách nhiệm trả cho bà N 250.000.000 đồng được bà N chấp nhận.

Ngoài ra vợ chồng chị có bàn và thống nhất hợp tác kinh doanh váng lạng với anh Nguyễn Thành T là em trai của anh L. Ngày 18/4/2018 hai bên giữa anh L và anh T đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh váng lạng, tại văn bản hợp đồng ký kết thì anh L đã góp vốn 1.000.000.000,đ cho anh T nên chị yêu cầu anh T trả lại. Nhưng tại phiên tòa chị P không yêu cầu về khoảng tiền góp vốn kinh doanh váng lạng với anh T.

Tại bản tự khai ngày 30/3/2020 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và con chung như chị Nguyễn Thị P trình bày là đúng; về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do chị P không muốn chung sống với

anh nên đã làm đơn xin ly hôn, thực tế vợ chồng không có mâu thuẫn gì cả. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh thì anh chấp nhận thuận tình ly hôn với chị P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Diệu L1, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2005 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2012, anh yêu cầu được nuôi một người con, đứa nào cũng được.

Về tài sản chung: Anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải trả: Nợ Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hoài Ân 581.430.959,đ (tính đến ngày 03/12/2020); nợ cô Huỳnh Thị Thanh N 725.000.000,đ. Tại phiên tòa hôm nay các bên thỏa thuận anh L chịu trách nhiệm trả cho bà N số tiền 475.000.000 đồng; chị P có trách nhiệm trả cho bà N 250.000.000 đồng được bà N chấp nhận.

Anh thừa nhận vào ngày 18/4/2018 giữa anh và anh Nguyễn Thành T có ký hợp đồng kinh doanh váng lạng, nhưng thực chất của bảng hợp đồng này là để có cơ sở pháp lý cho anh vay vốn của Ngân hàng để sử dụng vào mục đích khác cho gia đình chứ chưa góp vốn kinh doanh váng lạng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chi nhánh NHNN&PTNT Hoài Ân, anh Lê Phước Th đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 20/4/2018 vợ chồng anh L, chị P có vay tại Ngân hàng 1.000.000.000,đ để sửa nhà và mua sắm vật dụng trong gia đình, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11%/ năm, lãi suất quá hạn 150%, tài sản thế chấp là nhà và đất tại 52 đường L, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân. Tính đến ngày 03/12/2020 chị P đã trả dần số tiền vay gốc và tiền lãi đúng hạn; còn nợ tiền vay gốc là 570.000.000,đ, tiền lãi 11.430959,đ tổng cộng 581.430.959,đ. Ngày 06/11/2019 anh L có hợp đồng thấu chi qua tài khoảng thanh toán tiền lương, lãi suất tại thời điểm là 9,5%/ năm; hiện còn nợ 108.230.800,đ; anh yêu cầu anh L, chị P thanh toán đúng thời hạn theo hợp đồng. Ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm khác.

- Bà Huỳnh Thị Thanh N trình bày: Vào ngày 05/11/2019 vợ chồng Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị P có viết giấy mượn bà 725.000.000,đ để sử dụng vào mục đích gia đình; vì giữa bà và anh L, chị P là bà con nên bà chỉ cho mượn chứ không tính lãi suất. Trong giấy chị P, anh L cam kết khi nào bà có nhu cầu lấy lại tiền thì sẽ hoàn trả đủ. Do bà cần vốn để kinh doanh và vợ chồng chị P, anh L ly hôn nên bà yêu cầu vợ chồng anh L, chị P trả cho bà số tiền nói trên. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm khác.

- Anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh là em trai của anh L, giữa anh và anh L có bàn với nhau kinh doanh váng lạng và đã đi đến thống nhất hợp tác kinh doanh. Vì anh L không có tiền nên chị P vợ anh L yêu cầu anh ký hợp đồng trước để có cơ sở pháp lý vay vốn Ngân hàng; nên ngày 18/4/2018 hai bên đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh váng lạng, nhưng chưa thực hiện hợp đồng, anh L chưa góp 1.000.000.000,đ theo hợp đồng kinh doanh váng lạng đã ký kết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến xét xử vụ án; Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử vẫn còn vi phạm, cần khắc phục.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị P xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Việc nuôi dưỡng con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 người con chung tên Nguyễn Thị Diệu L1, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2005 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng/con đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Về nợ chung:

- Anh L chị P xác định trong thời kỳ hôn nhân có vay của bà Huỳnh Thị Thanh N 725.000.000,đ. Tại phiên tòa anh L, chị P thỏa thuận anh L trả cho bà N 475.000.000đồng, chị P trả cho bà Nga 250.000.000 đồng; thỏa thuận này được bà N chấp nhận.

- Anh L, chị P thừa nhận có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại số nhà 52 đường L, thị trấn Tăng Bạt Hổ, huyện Hoài Ân vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoài Ân số tiền 1.000.000.000,đ, thời hạn vay 60 tháng, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện Chi nhánh NHNN&PTNT Hoài Ân không có yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về hợp đồng hợp tác giữa anh Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Thành T chị P không có yêu cầu xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L, yêu cầu nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, được xác định là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; chị P và anh L có Hộ khẩu thường trú tại thị trấn Tăng Bạt hổ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân được quy định tại Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn L có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân đó là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; chị P thì cho rằng vợ chồng không cùng quan điểm sống, tiền bạc không rõ ràng, hai bên gia đình đã nhiều lần động viên thuyết phục dàn xếp nhưng không có kết quả; còn anh L thì cho rằng chị P không muốn chung sống với anh nên đã làm đơn yêu cầu ly hôn anh. Từ đó đã làm cho tình cảm vợ chồng khô cạn, đến mức cả hai không còn cần nhau nữa và đã đi đến thỏa thuận thuận tình ly hôn; do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn L là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng chị P và anh L có 02 người con chung, chị P yêu cầu và nguyện vọng được nuôi hết hai con, yêu cầu anh Lũy cấp dưỡng 2.000.000,đ/tháng; còn anh L thì yêu cầu nuôi một người con, người con nào cũng được; về nguyện vọng của hai người con thì muốn được ở với mẹ, qua tham khảo ý kiến của địa phương thì nên giao 02 người con cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt hơn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc giao con chung chưa thành niên cho ai trông nom nuôi dưỡng phải xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của người con, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con, có xem xét đến điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục của mỗi bên. Từ trước đến nay hai cháu L1 và L2 cùng chung sống một gia đình với ba mẹ, nhưng thời gian gần gũi với mẹ và được mẹ chăm sóc nhiều hơn ba; nếu tách rời giao mỗi người nuôi dưỡng một cháu là trái với nguyện vọng mong muốn của các con, sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe của con. Hiện tại chị P thì là giáo viên đang dạy tại trường Tiểu học thị trấn Tăng Bạt Hổ, thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000,đ; còn anh Lũy thì cán bộ công chức Nhà nước, đang công tác tại Ngân hàng chính sách xã hội thị xã H, thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000,đ nhưng anh L còn phải chịu trách nhiệm trả cho các khoảng nợ riêng của anh. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 người con Nguyễn Thị Diệu L1, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2005 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị P mỗi tháng 1.000.000,đ/01 người con, kể từ tháng 12/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi và được quyền đi lại thăm, chăm sóc con chung; không ai được quyền ngăn cản là phù hợp với quy định tại Điều 71, 72, 81, 82, 83 và 84 luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung*: Hai bên không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung phải trả:

[6.1]Vợ chồng anh L, chị P xác định vào ngày 20/4/2018 có làm thủ tục vay 1.000.000.000,đ tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hoài Ân, mục đích sử dụng sửa chữa nhà và mua sắm vật dụng sinh hoạt, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11%/ năm, lãi suất quá hạn 150%

lãi suất trong hạn theo hợp đồng tín dụng số: 4308-LAV-201800992. Tính đến ngày 03/12/2020 còn nợ tiền vay gốc là 570.000.000,đ, tiền lãi 11.430.959,đ tổng cộng 581.430.959,đ. Các bên thống nhất với nhau về trách nhiệm và thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về hợp đồng thấu chi ngày 06/11/2019 anh L có hợp đồng thấu chi qua tài khoảng thanh toán tiền lương, lãi suất tại thời điểm là 9,5%/ năm; hiện còn nợ 108.230.800,đ; đại diện Ngân hàng yêu cầu anh L thanh toán đúng thời hạn theo hợp đồng, không có yêu cầu Tòa giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2] Anh L, chị P thừa nhận vào ngày 05/11/2019 vợ chồng anh, chị có viết giấy mượn của bà N số tiền 725.000.000,đ, trong giấy không thể hiện về lãi suất, nhưng có cam kết khi nào bà N có nhu cầu thì sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đã mượn. Nay bà N cần vốn để kinh doanh nên yêu cầu anh L, chị P trả số tiền 725.000.000,đ là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay các bên thỏa thuận anh L chịu trách nhiệm trả cho bà N số tiền 475.000.000 đồng; chị P có trách nhiệm trả cho bà N 250.000.000 đồng được bà N chấp nhận; do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc anh L phải trả cho bà N số tiền 475.000.000 đồng, buộc chị P phải trả cho bà N 250.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự.

[7] *Về án phí sơ thẩm*:

Án phí sơ thẩm ly hôn, cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án, án phí dân sự; chị P, anh L phải nộp theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa hôm nay là phù hợp với nhận định của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 55, 71, 72, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn L. Giấy chứng nhận kết hôn số: 05/2004 do Ủy ban

nhân dân xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định cấp ngày 07/11/2004 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về nuôi con chung*: Giao 02 người con Nguyễn Thị Diệu L1, sinh ngày 23 tháng 5 năm 2005 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 28 tháng 02 năm 2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho mỗi người con là 1.000.000,đ, kể từ tháng 12/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. *Về chia tài sản*: Không xem xét.

5. Về nợ phải trả:

- Buộc anh Nguyễn Văn L phải trả cho bà Huỳnh Thị Thanh N 475.000.000,đ (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn).

- Buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho bà Huỳnh Thị Thanh N 250.000.000,đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án bên phải Thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. *Về án phí*:

- Án phí sơ thẩm ly hôn phải nộp 300.000 đồng; chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Văn L mỗi người phải nộp 150.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án, anh Nguyễn Văn L phải nộp 300.000,đ.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Nguyễn Văn L phải nộp 23.000.000 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị P phải nộp 12.500.000 đồng.
Tổng cộng chị Nguyễn Thị P phải nộp 12.650.000 đồng.
Tổng cộng anh Nguyễn Văn L phải nộp 23.450.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị P được khấu trừ 300.000,đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006060, ngày 23/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Ân, còn phải nộp thêm 12.350.000,đ.

- Bà Huỳnh Thị Thanh N được nhận lại 16.500.000,đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0006064, ngày 30/3/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Hoài Ân.

Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử Phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định.
- VKSND huyện Hòai Ân.
- Chi cục THA DS huyện.
- Các bên đương sự.
- UBND TT Tăng Bạt Hổ.;
- Lưu HS.

Hoàng Thị Tôi